Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Sở Y tế
Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 2100/QĐ-SYT ngày 26/11/2025 của Sở Y tế Lạng Sơn)
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao, điều chỉnh	Tổng số đã phân bổ	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện phổi	Bệnh viện Y học cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	TTYT khuc vực Bắc Sơn	TTYT khuc vực Văn Quan	TTYT khuc vực Tràng Định	TTYT khuc vực Văn Lãng	TTYT khuc vực Hữu Lũng	TTYT khuc vực Chi Lăng	TTYT khuc vực Đình Lập	TTYT khuc vực Lộc Bình	TTYT khuc vực Cao Lộc
1	2	3	4	5	6	7	8	12	14	15	16	17	18	19	20	21
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**															
I	**Số thu phí, lệ phí**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**									
1	Phí trong lĩnh vực Y tế, Dược, Mỹ phẩm		0													
2	Phí trong lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm		0													
3	Phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa		0													
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**									
1	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***		**0**													
2	***Chi quản lý hành chính***		**0**													
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**									
1	Phí trong lĩnh vực Y tế, Dược, Mỹ phẩm		0													
2	Phí trong lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm		0													
3	Phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa		0													
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**2.535**	**2.535**	**369**	**28**	**126**	**1.497**	**55**	**73**	**94**	**47**	**25**	**17**	**19**	**35**	**151**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**2.535**	**2.535**	**369**	**28**	**126**	**1.497**	**55**	**73**	**94**	**47**	**25**	**17**	**19**	**35**	**151**
1	**Chi quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0													
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0													
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**															
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ															
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng															
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**															
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**2.535**	**2.535**	**369**	**28**	**126**	**1.497**	**55**	**73**	**94**	**47**	**25**	**17**	**19**	**35**	**151**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0													
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.535	2.535	369	28	126	1.497	55	73	94	47	25	17	19	35	151
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0													
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0													
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**0**	0													
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0													
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0													
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0													
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**															
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao, điều chỉnh	Tổng số đã phân bổ	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện phổi	Bệnh viện Y học cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	TTYT khuc vực Bắc Sơn	TTYT khuc vực Văn Quan	TTYT khuc vực Tràng Định	TTYT khuc vực Văn Lãng	TTYT khuc vực Hữu Lũng	TTYT khuc vực Chi Lăng	TTYT khuc vực Đình Lập	TTYT khuc vực Lộc Bình	TTYT khuc vực Cao Lộc
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**															
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**															
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
II	**Nguồn vốn viện trợ**															
1	**Chi quản lý hành chính**															
1.1	Dự án A															
1.2	Dự án B															
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**															
2.1	Dự án A															
2.2	Dự án B															
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**															
3.1	Dự án A															
3.2	Dự án B															
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**															
4.1	Dự án A															
4.2	Dự án B															
5	**Chi bảo đảm xã hội**															
5.1	Dự án A															
5.2	Dự án B															
6	**Chi hoạt động kinh tế**															
6.1	Dự án A															
6.2	Dự án B															
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**															
7.1	Dự án A															
7.2	Dự án B															
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**															
8.1	Dự án A															
8.2	Dự án B															
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**															
9.1	Dự án A															
9.2	Dự án B															
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**															
10.1	Dự án A															
10.2	Dự án B															
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**															
1	**Chi quản lý hành chính**															
1.1	Dự án A															
1.2	Dự án B															
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**															
2.1	Dự án A															
2.2	Dự án B															

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao, điều chỉnh	Tổng số đã phân bổ	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện phổi	Bệnh viện Y học cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	TTYT khuc vực Bắc Sơn	TTYT khuc vực Văn Quan	TTYT khuc vực Tràng Định	TTYT khuc vực Văn Lãng	TTYT khuc vực Hữu Lũng	TTYT khuc vực Chi Lăng	TTYT khuc vực Đình Lập	TTYT khuc vực Lộc Bình	TTYT khuc vực Cao Lộc
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**															
3.1	Dự án A															
3.2	Dự án B															
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**									
4.1	Dự án A		0													
4.2	Dự án B															
5	**Chi bảo đảm xã hội**															
5.1	Dự án A															
2.2	Dự án B															
6	**Chi hoạt động kinh tế**															
6.1	Dự án A															
6.2	Dự án B															
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**															
7.1	Dự án A															
7.2	Dự án B															
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**															
8.1	Dự án A															
8.2	Dự án B															
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**															
9.1	Dự án A															
9.2	Dự án B															
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**															
10.1	Dự án A															